

**CÔNG TY CỔ PHẦN HK KINH BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HK KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HK KINH BAC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HK KINH BAC ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301230018

**3. Ngày thành lập:** 06/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0222162688

Fax:

Email: [hkkinhbac.jsc@gmail.com](mailto:hkkinhbac.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                       | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 9.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                              | 0119     |
| 10. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                              | 0128     |
| 11. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                     | 8292     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723     |
| 16. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4724     |
| 17. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030     |
| 18. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                  | 1050     |
| 19. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075     |
| 20. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                             | 1079     |

|     |                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                          | 1101        |
| 22. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                     | 1102        |
| 23. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                     | 1103        |
| 24. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                | 1104        |
| 25. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                      | 1621        |
| 26. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                | 1622        |
| 27. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                | 1623        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                               | 1629        |
| 29. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                         | 1701        |
| 30. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                    | 1702(Chính) |
| 31. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                       | 1709        |
| 32. | In ấn                                                                                                                                  | 1811        |
| 33. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                               | 1812        |
| 34. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                              | 1820        |
| 35. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                 | 2023        |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                       | 4781        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                    | 4931        |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                       | 4932        |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                         | 4933        |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                | 5225        |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                   | 5229        |
| 42. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                               | 5621        |
| 43. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp. | 5629        |
| 44. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                | 5630        |
| 45. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                      | 4101        |
| 46. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                | 4102        |
| 47. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                          | 4211        |
| 48. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                           | 4212        |
| 49. | Xây dựng công trình điện                                                                                                               | 4221        |
| 50. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                    | 4222        |

|     |                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                         | 4223 |
| 52. | Xây dựng công trình công ích khác                                          | 4229 |
| 53. | Xây dựng công trình thủy                                                   | 4291 |
| 54. | Xây dựng công trình khai khoáng                                            | 4292 |
| 55. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                      | 4293 |
| 56. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)            | 4311 |
| 57. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn) | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN PHÚ<br>HOÀNG | Thôn Ngọc<br>Khám, Xã Gia<br>Đông, Huyện<br>Thuận Thành,<br>Tỉnh Bắc Ninh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       | 0270780104<br>45                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                       |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | BÙI VĂN KIÊN    | Thôn Vàng 2, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 | 001078032534 |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 |              |
|   |                 |                                                                       |                           |        |             |        |              |
| 3 | NGUYỄN VĂN KIÊN | Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 027079010797 |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                       |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHÚ HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027078010445

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh